

# Đền Hàng Trống

LTS. Nhà nghiên cứu Hồng Nhuệ - Nguyễn Khắc Xuyên là cộng tác viên gần gũi của Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo trong nhiều năm qua. Được tin ông đã qua đời, Ban Biên tập Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo xin chia buồn sâu sắc cùng gia quyến và trân trọng giới thiệu bài viết cuối cùng của ông gửi tới Toà soạn.

HỒNG NHUỆ<sup>\*</sup>

T rước năm 1954, đền Hàng Trống là một nơi thờ tự rất sầm uất. Vào những ngày mùng một và ngày rằm mỗi tháng, người đến dâng lễ rất đông. Họ chiếm hết vỉa hè và đường phố, gây khó dễ cho việc đi lại trên quãng đường này. Hương và hoa có thể kể như một rừng chỉ chít mọc lên. Người đứng lễ bái đông nghịt.

Vào năm 1983, ngôi đền danh tiếng này vẫn còn, nhưng khách thập phương vắng bóng. Chúng tôi đã đến tận nơi quan sát. Về trang trí, hầu như vẫn như xưa, thế nhưng không khí thờ tự không còn. Hình như ngày nay - nghĩa là vào năm 1983 - nơi đây là trụ sở của một cơ quan nào đó.

Về ngôi đền này, sách vở của chúng ta ngày nay nói rất sơ lược. Chúng tôi có *Từ điển Hà Nội địa danh*, Hà Nội, 1993, của Bùi Thiết. Tác giả chỉ bàn qua loa trong một vài hàng chữ: "Hàng Trống (đình), cũng gọi là đình Đông Hương, ở số 82, phố Hàng Trống" (Sđd, tr.188).

Chúng tôi còn có *Từ điển Đường phố Hà Nội*, Hà Nội, 1994, của Nguyễn Loan và Nguyễn Hoài. Hai tác giả cho biết đôi chút về nhân vật thờ ở đền danh tiếng này. Hai ông viết: "Phố Hàng Trống có đền Đông (thực ra là Đông, chứ không phải là Đông) Hương, còn gọi là đền Hàng Trống, ở số nhà 82, thờ một đạo nương..." (Sđd, tr.123).

Đền Hà Nội - Di tích lịch sử văn hoá và danh thắng, Hà Nội 2000, thì ngôi đền danh tiếng này không được đề cập tới.

May thay, chúng tôi đã có dịp đến Thư viện của Trường Viễn Đông Bác cổ (EFEO) ở Paris, Pháp, và chụp được một bản cuốn "*Việt Nam Thần tích*" của Phụng Nam, Hà Nội 1938. Tác phẩm cũ kĩ này trong bộ "*Tứ Dân Văn Uyển*", số ra ngày 15 tháng 3 năm 1938. Về tác giả, cho tới nay, chúng tôi cũng chưa biết gì.

Trong "Bài Tựa" của cuốn sách, soạn giả cho biết, trong nước ta có nhiều "đền đài, đình chùa, miếu nghè" do người Tàu làm ra để ghi nhớ công ơn những người của họ, và cũng có nhiều nơi thờ tự, do người Việt Nam xây cất để kính thờ những anh hùng liệt sĩ của dân tộc, trong đó có *Đình Hàng Trống*, ở *phố Hàng Trống* (Sđd, tr.13-18). Trước khi kể lại lịch nhân vật lịch sử danh tiếng này, soạn giả viết vắn tắt mấy chữ, như tóm tắt, đúc kết thiên tiểu sử vị anh hùng liệt sĩ: "*Đình Hàng Trống thờ cô Phạm Thị Huệ là một cô đầu danh ca thuở xưa, quê ở làng Đào Đặng thuộc huyện Tiên Lữ, Hưng Yên*".

Như vậy, nhân vật này thuộc nhân vật lịch sử có thật, chứ không thuộc truyền

\*. Nhà nghiên cứu, thành phố Nha Trang. Bài viết dựa theo *Việt Nam thần tích* của tác giả Phụng Nam, trong tờ bán nguyệt san *Tứ Dân Văn Uyển*, số 66, ngày 15 tháng 3 năm 1938. Hà Nội 1938, 105 trang.

thuyết. Nhưng soạn giả đã thu góp những tư liệu nào để minh chứng về nhân vật này. Lời lẽ ông đưa ra, thực ra chưa được chính xác mấy, thế nhưng không phải không có giá trị. Ông cho biết: ông đã tìm trong các tư liệu của trường Viễn Đông Bác cổ - tư liệu nào thì ông không cho hay - và nhất là những lời đồn đại về nhân vật này, hoặc những lời bàn tán, kiêng kị, kiêng huý trong dân gian, cộng thêm các sắc phong của nhà vua - những sắc phong nào và hiện được bảo tồn ở đâu, soạn giả chưa cho biết đích xác. Hay là soạn giả để lại công việc cho chúng ta ngày nay?

Tóm lại, *Phạm Thị Huệ* là một cô đầu, một á đảo danh ca. Vào thời đô hộ giặc Tàu, bản văn nói là vào thời Hồ - Hán Thương - quân xâm lăng đặt đồn gác ở nhiều nơi và chúng thường đi quấy nhiễu dân gian. Thấy cô Huệ nhan sắc lại có tài ứng đối và hát ca xuất sắc, chúng thường lui tới làm quen và giở trò xấu xa bỉ ổi. Cô Huệ khôn khéo đã nhử chúng vào tròng.

Số là ở vùng có nhiều muỗi. Khi bọn chúng đã say sưa và muốn ngủ ngon, cô Huệ ngọt ngào bảo chúng chui vào những bao tải để có thể nhắm mắt đánh một giấc thoải thuê. Ngủ trong bao tải thực ra cũng khó nhận là có thật. Thế nhưng, bao tải cũng có thể như một thứ "nóp" của người dân nghèo miền Nam thời trước đây, dùng để làm mùng màn ngủ ngoài trời, một thứ như chiếc chiếu quận tròn chỉ để hở một đầu để chui vào ngủ, ngủ ngoài đường phố, ngủ trên vỉa hè, ban đêm, tránh muỗi đốt.

Cô Huệ lập mưu sai người đưa những bao tải đựng người đó quẳng xuống sông, êm như ru, không kèn trống, không tang ma. Với thời gian, các tướng Tàu thấy sĩ quan, quân binh, mỗi ngày mỗi vắng bóng, lính tráng mỗi ngày mỗi bớt số,

nhưng có ngờ đâu cái kế kì diệu của cô Huệ.

Vì thế, khi Phạm Thị Huệ mất, nhà vua cho lập miếu thờ ngay tại quê quán cô, "làng Đào Đặng thuộc huyện Tiên Lữ tỉnh Hưng Yên" và sau còn thấy mọc lên một miếu thờ ở phía đông thành Thăng Long. Miếu được tu sửa về sau, từ đời nhà Lý và đặt tên là "đình Đông Hương". Nguyên do tên gọi này như sau: thời đó đã xảy ra một hoả hoạn lớn về phía đông kinh thành, vua nhà Lý ngự trong thành nhìn ra thấy có một người con gái hiện ra cầm cờ phát và làm cho ngọn lửa tắt, không đốt miếu và các nhà phụ cận.

Vua nhà Lý liền cho tu sửa lại đền, mở rộng thêm hơn năm sào đất. Nhà vua cũng cho đổi tên là đền hay đình *Đông Hương*, có nghĩa là "mùi hương thơm ở phía đông thành" và "phong cho Nữ Thần làm Phúc Thần dân thôn Tự Tháp".

Tới thời Pháp thuộc, vì lí do đô thị hoá và kiến thiết đô thị, người ta đã mở phố xá và đường lối, cắt xén khu vực của đền và chỉ còn để lại một hậu cung bé nhỏ như chúng ta thấy ngày nay.

Tuy nhiên, vẫn một năm hai kì, vào mùa xuân và mùa thu có mở lễ hội lớn. Vào những năm trước 1954, như đã nói, vào hai ngày mùng một và ngày rằm, thiện nam tín nữ Hà Thành đến cúng vái rất đông.

Soạn giả bài viết còn cho biết, "Năm Tự Đức thứ mười một, sắc phong cho Nữ Thần là "*Ngọc Kiều phu nhân chi thần*". Đến năm thứ ba mươi ba lại phong là "*Thục dượng (diệu?) Ngọc Kiều chi thần*". Năm vua Đồng Khánh thứ hai, phong là "*Thục dượng Ngọc Kiều chi thần*". Năm Duy Tân thứ ba, phong là "*Thục dượng chi thần*". Năm Khải Định thứ chín, phong là "*Gia phong trai tỉnh phu nhân trung đẳng thần*".

Trước cửa đền còn thấy một bức hoành phi sơn son thiếp vàng đề ba chữ “*Nghiễn Thiên Muội*”, nghĩa là ví Bà như một người “Em Gái Nhà Trời”. Lại còn hai câu đối thờ với ý nghĩa “Bà có công dẹp mưa gió, cứu hoá cho dân”.

Soạn giả còn cho biết chi tiết về ông từ coi giữ đền này. Vì đền Đông Hương thờ một vị Phúc Thần, cho nên có đặt một ông từ trông nom đền và việc thờ tự. Thực ra, chỉ có việc trông nom hương hoa lễ bái, chứ tuyệt nhiên không có công văn hát bóng, đồng bóng, nhảy nhót nhảm nhí. Thế nhưng, đến đời ông từ có tên là Võ Tá Trực, lợi dụng niềm tin của dân, ông đã cho đồng bóng nhảy nhót và bán các tờ số lấy tiền. Dân địa bàn không tán thành và đã đệ đơn tố cáo. Ông từ Trực bị triệt hồi và không khí trang nghiêm của đền được hồi phục.

Đó là tóm tắt bài trường hơi của Phượng Nam. Như đã nói, chúng tôi không biết gì thêm về nhân vật này. Nhưng theo bài ông viết về Đền Hàng Trống, chúng tôi thấy ông có trình độ học hỏi và thận trọng tra cứu.

Tờ *Tứ Dân Văn Uyển* là tờ bán nguyệt san do Toàn quyền René Robin và Thống sứ Tholance sáng lập. Hai ông này là những người có văn hoá, nhưng cũng có đầu óc chính trị. Họ muốn học hỏi về văn hoá, văn học dân gian Việt Nam và những người cầm bút viết cũng một phần nào có trình độ và được đào tạo theo *Trường Pháp Quốc*. Cho nên, chỉ một bài về Đền Hàng Trống, chúng ta cũng thấy tác giả khá thận trọng thu tập các hồ sơ *truyền khẩu*, nhất là thận trọng tìm kiếm những tư liệu *ghi chép*.

Dù sao, về phần mình, chúng tôi có mấy nguyện vọng:

1. Kiểm điểm lại phần các sắc phong mà tác giả bài viết đã trưng bày.

2. Kiểm tra xem bức hoành phi và hai câu đối hiện nay còn trong ngôi đền danh tiếng này, hay đã thất lạc hoặc biến đi đâu mất rồi.

3. Trả lại cho ngôi đền sự tôn nghiêm của một nơi thờ tự và kính viếng.

*Đền* hay *Đình Hàng Trống* thời xa xưa với hơn một sào đất, hẳn có thể chạy dài cho tới Hồ Hoàn Kiếm. Như vậy, đền cũng nằm trong một quần thể các đình chùa bên cạnh Hồ Gươm, bên kia Hồ là Đền Bà Kiệu. Đền này vì lí do kiến thiết đô thị thời Pháp thuộc, cũng bị cất xén, ngày nay chỉ còn tam quan ở bên kia đường phía Hồ Gươm, còn hậu cung thì nằm bên cạnh gốc cây đa cổ thụ.

Cùng một số phận với Đền Hàng Trống và Đền Bà Kiệu, có Chùa Báo Ân. Chùa nguy nga tráng lệ đã bị phá huỷ vì lí do thiết kế đô thị mới Hà Nội, chỉ còn lại cây tháp thờ trời bên cạnh Hồ, gần Bưu Điện cũ Hà Nội, gọi là tháp Hoà Phong.

Nhưng hãy tưởng tượng quần thể các đền chùa này vào thời các chúa Trịnh. Vì đền các chúa Trịnh nằm trong địa bàn Hồ Gươm này, cho nên, các khách thập phương, các quan văn võ, các thị tì, cung tần, mi nữ, hẳn đã ra vào lễ bái ở đây rất sầm uất. Các ngày lễ hội vào mùa xuân và mùa thu, những ngày mừng một và ngày rằm hằng tháng, cùng những ngày lễ khác trong năm, hẳn phải rất trang trọng và tôn nghiêm.

Một ngôi đền đã được thiết lập từ đời Lý, để ghi nhớ công ơn của một cô ả đào nổi tiếng Phạm Thị Huệ, đã giúp nhà vua giết giặc ngoại xâm, ngôi đền đó phải được bảo quản và tôn trọng.